

Điểm du lịch sinh thái Cồn Hô, Trà Vinh: Phân tích chính sách và sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương

Đỗ Thị Ngân Thanh *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Cồn Hô, một cù lao nhỏ nằm giữa sông Cổ Chiên thuộc xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, là một địa bàn cư trú ven sông đặc trưng với hệ sinh thái ngập nước, đời sống cộng đồng nông nghiệp và văn hóa bản địa. Trong những năm gần đây, Cồn Hô đang nổi lên như một mô hình tiêu biểu về phát triển du lịch sinh thái tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Bài viết này tập trung phân tích mối quan hệ giữa chính sách phát triển du lịch sinh thái từ trung ương đến địa phương với sự kỳ vọng, thích ứng và vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, kết hợp điển dã thực địa với trọng tâm là quan sát tham dự và phỏng vấn sâu, nhằm tiếp cận chính sách phát triển du lịch như một quá trình thương thảo tại địa phương. Trong quá trình này, các chủ thể liên quan cùng diễn giải, điều chỉnh và tái định hình chính sách sao cho phù hợp với thực tiễn. Cách tiếp cận này xem chính sách không đơn thuần là những chỉ thị hành chính có sẵn, mà là một tiến trình kiến tạo ý nghĩa, được hiểu như một diễn ngôn mang tính hậu cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng Cồn Hô không thụ động tiếp nhận chính sách, mà tích cực tham gia điều chỉnh và tái định hình nội dung cũng như phương thức triển khai, dựa trên điều kiện văn hóa - xã hội và nhu cầu sinh kế tại chỗ. Qua đó, nghiên cứu góp phần mở rộng cách hiểu về chính sách phát triển du lịch như một tiến trình linh hoạt, đa chiều và gắn bó mật thiết với thực tiễn cộng đồng.

Từ khoá: du lịch sinh thái, chính sách, cộng đồng, kỳ vọng, Cồn Hô

GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa nhanh chóng và biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, nhiều cộng đồng nông thôn ở các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng như suy giảm sinh kế truyền thống, di cư lao động và mai một bản sắc văn hóa. Trước thực trạng đó, du lịch sinh thái, đặc biệt là du lịch sinh thái tại khu vực nông thôn, được xem là một chiến lược phát triển bền vững, góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản địa, đồng thời mở rộng cơ hội sinh kế và tăng cường năng lực thích ứng cho cộng đồng địa phương.

Tại Việt Nam, định hướng phát triển du lịch bền vững, gắn với cộng đồng, đã được thể chế hóa rõ ràng thông qua các văn bản chiến lược quan trọng như Luật Du lịch,¹ Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị,² và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.³ Trong đó, các mô hình du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái được xác định là những trụ cột chủ đạo nhằm đạt được mục tiêu kép: phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa, môi trường.

Thực tiễn triển khai tại nhiều địa phương đã cho thấy sự đa dạng trong hiệu quả của các mô hình du lịch

sinh thái. Một số nơi đã bước đầu đạt được sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên, trong khi nhiều mô hình khác rơi vào tình trạng thương mại hóa quá mức, phát triển thiếu kiểm soát hoặc bị đình trệ do thiếu cơ chế hỗ trợ phù hợp và hạn chế về nội lực cộng đồng. Những bất cập này đặt ra yêu cầu cấp thiết về sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách nhà nước và kỳ vọng cũng như năng lực thực thi của cộng đồng địa phương.

Trong bối cảnh đó, Cồn Hô, một cù lao thuộc xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh,^a nổi lên như một trường hợp tiêu biểu của mô hình du lịch sinh thái mang tính tự khởi xướng, với sự phối hợp hài hòa giữa định hướng chính sách của nhà nước và sự chủ động tham gia của người dân. Không dựa trên các khoản đầu tư quy mô lớn từ bên ngoài, mô hình du lịch tại Cồn Hô được hình thành từ những sáng kiến nhỏ, tận dụng tri thức bản địa, nguồn lực tự nhiên tại chỗ và kinh nghiệm dân gian. Từ năm 2020,

^aMặc dù từ sau ngày 1/7/2025, địa giới hành chính đã được điều chỉnh, theo đó tỉnh Trà Vinh được sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Long, nhưng nghiên cứu này được tiến hành trước thời điểm thay đổi nêu trên. Vì vậy, nhằm bảo đảm tính nhất quán về phạm vi phân tích và giữ nguyên giá trị của trường hợp nghiên cứu, bài viết vẫn sử dụng hệ thống đơn vị hành chính cũ của Trà Vinh và tất cả các khu vực hành chính cũ trong phạm vi phân tích.

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Đỗ Thị Ngân Thanh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: dtntanh@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 25-06-2025
- Ngày sửa đổi: 25-11-2025
- Ngày chấp nhận: 25-12-2025
- Ngày đăng: 13-05-2026

DOI: <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1210>



Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Đỗ Thị Ngân Thanh. **Điểm du lịch sinh thái Cồn Hô, Trà Vinh: Phân tích chính sách và sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2026;10(2):3531-3543.

dưới sự hỗ trợ định hướng của chính quyền và đồng hành của các tổ chức nghiên cứu, cộng đồng dân cư tại Côn Hồ đã chính thức vận hành mô hình du lịch sinh thái, mở ra một hướng đi mới trong tiếp cận phát triển bền vững dựa trên nền tảng nội sinh và chính sách hỗ trợ. Mục tiêu của bài viết nhằm phân tích mối quan hệ giữa chính sách và sự kỳ vọng, thích ứng cùng vai trò chủ động của cộng đồng dân cư tại Côn Hồ. Nghiên cứu nhằm khám phá cách thức cộng đồng tham gia điều chỉnh và tái định hình nội dung cũng như phương thức triển khai chính sách du lịch, từ đó mở rộng cách hiểu về chính sách phát triển du lịch như một tiến trình linh hoạt, đa chiều và gắn bó mật thiết với thực tiễn cộng đồng. Để đạt được mục tiêu này, bài viết tập trung vào những câu hỏi nghiên cứu trọng yếu: Chính sách nhà nước đã được xây dựng và triển khai như thế nào, và quá trình thực thi có đảm bảo tính hiệu quả không? Mức độ tham gia của cộng đồng trong việc tiếp nhận và thực thi chính sách ra sao? Liệu sự kỳ vọng của các bên liên quan có tương thích với nội dung và mục tiêu của chính sách, hay còn tồn tại hạn chế trong việc đáp ứng các yêu cầu thực tiễn? Bài viết khái quát bối cảnh địa lý, xã hội của Côn Hồ, đồng thời phân tích chính sách và thực tiễn phát triển du lịch tại địa phương trong mối liên hệ với vai trò, mức độ tham gia của cộng đồng, qua đó phản ánh kỳ vọng của người dân và những thách thức đặt ra trong quá trình triển khai.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Du lịch sinh thái đã và đang là chủ đề được nghiên cứu rộng rãi với nhiều cách tiếp cận và định nghĩa khác nhau, phản ánh sự đa dạng trong quan điểm học thuật và mục tiêu phát triển. Tuy nhiên, các định nghĩa này đều chia sẻ một số yếu tố cốt lõi như mối quan hệ giữa du lịch và bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa, phát triển kinh tế địa phương, cũng như sự tham gia của cộng đồng. Du lịch sinh thái, theo Hiệp hội Du lịch Sinh thái Quốc tế (TIES), được định nghĩa là “hình thức du lịch có trách nhiệm đến các khu vực tự nhiên, góp phần bảo tồn môi trường, duy trì phúc lợi của người dân địa phương và gắn liền với hoạt động diễn giải và giáo dục”.⁴ Tương tự, theo Luật Du lịch, du lịch sinh thái được hiểu là “loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng và kết hợp với giáo dục về bảo vệ môi trường”.¹ Cả hai định nghĩa này nhấn mạnh sự kết hợp giữa bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế bền vững và sự tham gia của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch.

Từ những nền tảng lý luận trên, có thể thấy phát triển du lịch sinh thái không đơn thuần là một định hướng

chiến lược, mà còn là một tiến trình xã hội - nơi các quan hệ quyền lực, diễn giải và thực hành chính sách được hình thành và tái cấu trúc liên tục. Trong bối cảnh đó, việc phân tích chính sách du lịch từ góc nhìn lý thuyết diễn ngôn của Foucault⁵ thực sự cần thiết. Ông định nghĩa diễn ngôn như một hệ thống biểu đạt ngôn ngữ, hình thức và cấu trúc quyền lực trong xã hội, qua đó thể hiện sự phân bố và tổ chức quyền lực. Trong lĩnh vực du lịch, các chính sách du lịch có thể được xem như một loại diễn ngôn, vì chúng không chỉ phản ánh mà còn hình thành và củng cố các giá trị xã hội, đồng thời phân phối quyền lực trong việc quản lý tài nguyên tự nhiên và du lịch. Từ góc nhìn tương tự, Cohen⁶ nhận định, công cụ để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, nhưng cũng có thể gây ra những mâu thuẫn giữa các nhóm lợi ích khác nhau trong xã hội, nhất là khi các giá trị và nhu cầu của các nhóm này không hoàn toàn tương thích.

Mowforth và Munt⁷ tiếp tục phát triển luận điểm này bằng cách nhấn mạnh sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương đối với chính sách du lịch gắn liền với mong muốn được tham gia vào quá trình phát triển du lịch và hưởng lợi từ những cơ hội kinh tế mà du lịch mang lại. Tuy nhiên, cộng đồng cũng bày tỏ lo ngại về các tác động tiêu cực có thể xảy ra đối với môi trường và văn hóa bản địa.

Đồng quan điểm này, theo Picard⁸ cho rằng cộng đồng địa phương không chỉ là đối tượng chịu ảnh hưởng của du lịch mà còn là những tác nhân chủ động trong việc tham gia vào quyết định và điều chỉnh các hoạt động du lịch. Chính vì vậy, họ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và thay đổi mối quan hệ giữa cộng đồng và ngành công nghiệp du lịch, đảm bảo rằng các chính sách và hoạt động du lịch có thể phản ánh và đáp ứng những kỳ vọng và nhu cầu thực tế của cộng đồng địa phương.

Ở góc độ môi trường, các nghiên cứu của Newsome⁹ và Buckley¹⁰ nhấn mạnh vai trò của du lịch sinh thái như một phương thức góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và duy trì đa dạng sinh học. Theo đó, du lịch sinh thái không chỉ là một hoạt động kinh tế, mà còn là chiến lược tiếp cận có ý thức nhằm bảo tồn các hệ sinh thái. Trong khi đó, Page¹¹ và Scheyvens¹² tập trung vào khía cạnh bảo tồn văn hóa bản địa, cho rằng du lịch sinh thái có khả năng nâng cao nhận thức về văn hóa, bảo vệ di sản phi vật thể và tăng cường vai trò chủ thể của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch.

Từ góc độ lý thuyết phê phán, Donohoe¹³ nhấn mạnh sự cần thiết của việc phát triển các khung lý thuyết mang tính bản địa hóa, coi trọng tiếng nói của cộng đồng địa phương trong các diễn ngôn và thực hành du lịch sinh thái. Về mặt kinh tế, Weaver¹⁴ và Hunter¹⁵

đều khẳng định du lịch sinh thái có thể tạo thu nhập, việc làm, và góp phần giảm áp lực khai thác tài nguyên tự nhiên, từ đó trở thành một công cụ hữu hiệu thúc đẩy phát triển bền vững ở các vùng nông thôn. Các tác giả Scheyvens¹² và Hunter¹⁵ đều nhấn mạnh vai trò của cộng đồng/sự tham gia tích cực của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên và phát triển du lịch là yếu tố then chốt đảm bảo tính bền vững lâu dài của các mô hình du lịch sinh thái.

Bên cạnh giới học thuật, một số tổ chức quốc tế như Hiệp hội Du lịch Sinh thái Quốc tế (TIES) và Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO), cùng với các văn bản pháp lý quốc gia như Luật Du lịch (2005, 2017), cũng đã góp phần chuẩn hóa khái niệm và xác lập các nguyên tắc vận hành của du lịch sinh thái, đặc biệt nhấn mạnh các giá trị bảo tồn, giáo dục, và công bằng trong phân phối lợi ích.

Liên quan đến chính sách nhà nước, các nghiên cứu gần đây cho thấy vai trò thiết yếu của thể chế trong việc định hình các mô hình du lịch sinh thái. Buij-tendijk và cộng sự¹⁶ phân tích cách tiếp cận bền vững trong quá trình chuyển đổi quản trị du lịch, trong khi Kobarg và cộng sự¹⁷ nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách “xanh” và cơ chế hợp tác đa bên nhằm tăng trưởng ngành du lịch theo hướng thân thiện với sinh thái. Jermisittiparsert¹⁸ chỉ ra rằng khả năng thu hút khách du lịch phụ thuộc nhiều vào chất lượng hạ tầng và dịch vụ, hai yếu tố chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách công. Tương tự, Dehoorne và cộng sự¹⁹ đề xuất chuyển đổi từ mô hình du lịch đại trà sang du lịch bền vững để giải quyết các hệ lụy về môi trường và kinh tế tại vùng Tây Ấn thuộc Pháp.

Nghiên cứu của Xhao²⁰ ủng hộ việc tích hợp du lịch sinh thái vào chiến lược phát triển nông thôn như một giải pháp đồng bộ cải thiện sinh kế và bảo vệ môi trường. Wondirad²¹ nhấn mạnh rằng du lịch sinh thái có thể đóng vai trò nền tảng trong chiến lược phát triển du lịch bền vững và toàn diện, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển như Indonesia. Trong nước, nghiên cứu của Phạm Thanh Bình²² làm rõ vai trò của quản lý nhà nước đối với du lịch sinh thái trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh đối diện với áp lực giữa tăng trưởng và bảo tồn. Tương tự, Ngô An và cộng sự²³ trong nghiên cứu chiến lược phát triển du lịch sinh thái tại Bến Tre và Nguyễn Thị Huyền Hương²⁴ với nghiên cứu về quản lý nhà nước về du lịch đều khẳng định vai trò điều tiết của nhà nước nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển du lịch và bảo vệ tài nguyên, văn hóa, đồng thời khuyến khích sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế.

Ngoài các yếu tố thể chế, sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương cũng được xem là nhân tố quan trọng trong

thành công của các sáng kiến du lịch sinh thái. Co-ria và Calfucura²⁵ nhấn mạnh, kỳ vọng không thực tế hoặc bị chính trị hóa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự tham gia và nhận thức của cộng đồng bản địa. Trường hợp các cộng đồng nông thôn ở Romania được Joshi và cộng sự²⁶ phân tích cho thấy người dân coi du lịch sinh thái là cơ hội phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa, song việc hiện thực hóa các kỳ vọng này thường gặp nhiều rào cản.

Valaoras và cộng sự²⁷ ghi nhận hiện tượng kỳ vọng không được đáp ứng trong thời gian dài dẫn đến tâm lý thất vọng và giảm niềm tin vào các sáng kiến phát triển. Ramos-García²⁸ bổ sung rằng việc tạo ra cảm giác sở hữu dự án thông qua sự tham gia thực chất của cộng đồng là điều kiện tiên quyết để điều chỉnh kỳ vọng và duy trì tính bền vững. Tuy nhiên, như Jaraíz-Arroyo²⁹ lưu ý, các kỳ vọng quá mức, đặc biệt là về lợi ích kinh tế tức thì, thường không phù hợp với thực tiễn triển khai ở các vùng nông thôn còn hạn chế về hạ tầng và chính sách hỗ trợ.

Mặc dù du lịch sinh thái đã được nghiên cứu tương đối sâu rộng, vẫn còn thiếu những phân tích cụ thể về mức độ tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách, cũng như về sự tương thích giữa kỳ vọng của cộng đồng và các định hướng chính sách hiện hành. Trên cơ sở kế thừa các tiếp cận lý thuyết trước đó, bài viết này hướng đến việc lấp đầy khoảng trống nghiên cứu bằng cách phân tích mối quan hệ giữa chính sách nhà nước và kỳ vọng của cộng đồng địa phương trong quá trình hình thành và vận hành mô hình du lịch sinh thái tại Cồn Hò (Trà Vinh). Thông qua khảo sát nội dung chính sách, thực tiễn triển khai và phản ứng của người dân, nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ tương thích và khả năng điều chỉnh lẫn nhau giữa hai chủ thể, đồng thời đề xuất các định hướng hoàn thiện mô hình theo hướng nhân văn, bền vững và phù hợp với bối cảnh nông thôn Đồng bằng sông Cửu Long đương đại.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình thực thi chính sách phát triển du lịch sinh thái tại Cồn Hò cho thấy vai trò then chốt của cộng đồng địa phương với tư cách là những chủ thể (actors) chủ động trong việc tiếp nhận, điều chỉnh và vận dụng chính sách vào thực tiễn. Foucault⁵ cho rằng diễn ngôn không chỉ phản ánh thực tế mà còn hình thành thực tế, tạo ra các chế độ sự thật (regimes of truth), qua đó xã hội chấp nhận những giá trị và chuẩn mực. Trong bối cảnh chính sách du lịch sinh thái, diễn ngôn này thể hiện qua các quy tắc và quyết định chính trị liên quan đến bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và quyền lợi cộng đồng. Foucault cũng nhấn mạnh rằng quyền lực không chỉ là áp đặt từ trên

uống mà còn hiện diện trong mọi quan hệ xã hội. Chính sách du lịch, như một diễn ngôn, phân phối quyền lực giữa các bên tham gia, từ chính phủ đến cộng đồng địa phương và các tổ chức quốc tế. Trong đó, cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng các chính sách nhà nước, mà còn có vai trò kiến tạo thông qua cách tiếp cận linh hoạt, phản hồi sáng tạo và điều chỉnh phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương. Thực tế cho thấy chính sách và kỳ vọng cộng đồng không phải lúc nào cũng đồng thuận. Một số chính sách mang lại tác động tích cực, trở thành động lực phát triển cộng đồng; trong khi đó, những chính sách thiếu thực tiễn, xa rời nhu cầu tại chỗ có thể gây ra sự kháng cự hoặc thờ ơ từ phía người dân. Do đó, mối quan hệ giữa chính sách nhà nước và kỳ vọng cộng đồng là một tiến trình tương tác phức tạp, không thuần túy tuyến tính, mà đôi khi mang tính đối kháng hoặc điều chỉnh lẫn nhau. Trên nền tảng lý thuyết hành xử xã hội (*theories of social action*), nghiên cứu này tiếp cận cộng đồng như những cá nhân, nhóm người có động cơ, ý định và chiến lược hành động riêng biệt, từ đó hình thành nên các “thực hành” xã hội đa dạng trong việc thích ứng và định hình chính sách.³⁰

Dựa trên phương pháp định tính, nghiên cứu kết hợp điển dã thực địa (tập trung vào quan sát tham dự và phỏng vấn sâu) nhằm tiếp cận chính sách phát triển du lịch. Phương pháp quan sát tham dự đóng vai trò chủ đạo trong thu thập dữ liệu, cho phép nhóm nghiên cứu ghi nhận chi tiết không gian sống, các hoạt động kinh tế, xã hội, và đặc biệt là cách người dân tham gia vào mô hình du lịch sinh thái. Theo Veal,³¹ sự quan sát song hành này giúp gia tăng tính thấu cảm đồng thời nâng cao độ tin cậy trong phân tích dữ liệu. Các ghi chép điển dã được thực hiện có hệ thống, bao gồm cả các yếu tố “tĩnh” (không gian vật chất, môi trường sống, đặc trưng sinh hoạt) và “động” (tương tác xã hội, hoạt động sản xuất, du lịch, lễ hội, v.v.).

Bên cạnh đó, kỹ thuật phỏng vấn sâu bán cấu trúc được sử dụng để khai thác trải nghiệm, quan điểm và kỳ vọng của cư dân về quá trình phát triển du lịch sinh thái. Các câu hỏi được thiết kế linh hoạt, định hướng theo các chủ đề nghiên cứu nhưng vẫn mở để người được phỏng vấn có thể diễn đạt quan điểm cá nhân một cách tự nhiên. Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp chọn mẫu có chủ đích, tập trung vào các cặp vợ chồng trung niên (trên 35 tuổi), nhóm cư dân chủ yếu tham gia hoặc chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động du lịch tại Cồn Hố. Tổng cộng 12 cuộc phỏng vấn sâu đã được tiến hành, bao gồm 09 cuộc với những người trực tiếp tham gia du lịch và 3 cuộc với người không tham gia. Cụ thể, nhóm người tham gia đại diện cho những chủ thể trực tiếp gắn bó với du

lịch, từ đó cung cấp thông tin chi tiết về tác động, lợi ích và khó khăn trong quá trình tham gia. Ngược lại, nhóm không tham gia được đưa vào mẫu nhằm nhận diện các yếu tố rào cản, tâm lý dè dặt hoặc các tác động gián tiếp của du lịch đối với cư dân địa phương. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 30 phút đến 2 giờ, đảm bảo chiều sâu thông tin và đa dạng góc nhìn. Toàn bộ dữ liệu phỏng vấn được mã hóa dưới dạng “BB01_[giới tính]_[địa điểm]_[ngày phỏng vấn]”, trong đó BB là mã phỏng vấn, nhằm đảm bảo tính ẩn danh và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu. Trước khi triển khai nghiên cứu chính thức, nhóm nghiên cứu đã tiến hành nhiều đợt điển dã từ năm 2019 đến 2023, tuy nhiên giai đoạn này chủ yếu nhằm thăm dò và khảo sát sơ bộ. Từ năm 2024, nhóm mới tập trung hệ thống hóa dữ liệu và bổ sung thêm các đợt khảo sát chuyên sâu phục vụ mục tiêu nghiên cứu hiện tại.

Dữ liệu nghiên cứu được xử lý theo quy trình phân tích định tính mang tính diễn dịch, kết hợp giữa mã hóa mô tả (*descriptive coding*) và mã hóa chủ đề (*thematic coding*). Dữ liệu mã hóa được tiến hành thủ công, với quy trình lặp đi lặp lại nhằm đảm bảo tính sâu sắc, nhất quán và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Bài viết đã tiến hành phân đoạn văn bản, gán mã cho từng đơn vị dữ liệu, đồng thời kiểm tra và điều chỉnh liên tục dựa trên dữ liệu gốc. Dữ liệu đầu vào bao gồm bản ghi âm phỏng vấn, ghi chú hiện trường, nhật ký điển dã và hình ảnh, được chuyển thể thành văn bản và tổ chức hệ thống. Độ phong phú và chất lượng thông tin thu thập đủ đáp ứng các yêu cầu về độ tin cậy và tính chiều sâu của một nghiên cứu định tính, đồng thời góp phần củng cố giá trị khoa học của các kết luận được đưa ra.

Ngoài dữ liệu thực địa, phương pháp phân tích tài liệu (nghiên cứu thư tịch) được sử dụng để tổng hợp hệ thống chính sách liên quan đến phát triển du lịch sinh thái, cũng như các công trình học thuật có liên quan đến lý thuyết, mô hình và kinh nghiệm trong và ngoài nước. Phương pháp này đóng vai trò nền tảng cho việc lý giải bối cảnh chính sách và xác định vị thế, vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Tên gọi “Cồn Hố” xuất phát từ hai lý giải chủ yếu, được người dân địa phương truyền miệng qua nhiều thế hệ. Giải thích thứ nhất cho rằng, khu vực hiện nay là một bãi đất bồi giữa sông, trước đây chưa có cư dân sinh sống, chủ yếu là hệ sinh thái ngập mặn với các loài cây bần và dừa nước. Trong suốt quá trình khai thác, người dân thường xuyên phát hiện sự hiện diện của

nhiều cá hô tại khu vực này, điều này có thể là nguyên nhân dẫn đến việc hình thành tên gọi “Cồn Hô”. Giải thích thứ hai dựa trên yếu tố hình học của cồn khi quan sát từ trên cao: cấu trúc của cồn này có hình dạng tương tự một con cá hô nằm giữa dòng sông Cổ Chiên. Cồn Hô, với đặc điểm là một hệ sinh thái khép kín, thường được ví như “ốc đảo” do địa hình tách biệt với đất liền. Cồn Hô được bao bọc xung quanh là sông Cổ Chiên, với đặc điểm lưu vực chảy từ sông ra biển, cồn không chỉ thể hiện sự phong phú về sinh học mà còn phản ánh rõ nét các đặc trưng sinh thái của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, nơi có sự giao thoa mạnh mẽ giữa hệ thống sông ngòi và môi trường tự nhiên đặc trưng. Trong đó, bản sắc văn hóa của người Tây Nam Bộ vẫn mang đậm dấu ấn tại cồn khi người dân đội nón lá, mặc áo bà ba và với đặc điểm vùng sông nước nên nhà nào cũng có một chiếc xuồng nhỏ.

Vị trí địa lý biệt lập đã góp phần bảo tồn cảnh quan tự nhiên còn tương đối nguyên sơ, tuy nhiên đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức về hạ tầng kỹ thuật, điều kiện sinh hoạt và kết nối giao thông. Tính đến cuối năm 2023, Cồn Hô có khoảng 23 hộ dân với tổng dân số trên 80 người, phần lớn là người Kinh, có nguồn gốc di cư từ các tỉnh lân cận như Vĩnh Long và Bến Tre.

Sinh kế truyền thống tại đây chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ, với các loại cây trồng chủ lực gồm bưởi da xanh, dưa xiêm, chuối, rau màu và một số cây dược liệu bản địa như gừng, sả. Một số hộ dân áp dụng mô hình kinh tế hỗn hợp, kết hợp chăn nuôi gia cầm thả vườn và đánh bắt thủy sản tự nhiên để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và bán lẻ tại chợ địa phương.

Trước năm 2020, cơ sở hạ tầng tại Cồn Hô còn nhiều hạn chế: không có điện lưới quốc gia, trường học, trạm y tế hay trung tâm sinh hoạt cộng đồng; phương tiện giao thông chủ yếu là ghe, xuồng do khu vực không có cầu nối với đất liền. Hệ thống đê bao chủ yếu do người dân tự gia cố bằng vật liệu thô sơ để chống triều cường và bảo vệ vườn cây. Những năm gần đây, tình trạng sạt lở bờ sông và xâm nhập mặn vào mùa khô diễn biến ngày càng phức tạp; điển hình là trận triều cường năm 2024 gây vỡ hơn 100m đê bao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến diện tích canh tác và sinh kế của các hộ dân.

Tuy nhiên, chính sự biệt lập và vẻ đẹp hoang sơ lại tạo ra những điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng. Những yếu tố như không gian tự nhiên ít bị tác động, hệ sinh thái đặc thù và nhịp sống nông thôn truyền thống đã góp phần làm tăng tính hấp dẫn và giá trị trải nghiệm đối với du khách trong và ngoài nước, đặc biệt trong bối

cảnh nhu cầu tìm kiếm các điểm đến bền vững và gắn với bản sắc địa phương ngày càng tăng.

Bên cạnh điều kiện tự nhiên, cộng đồng dân cư tại Cồn Hô có đặc điểm xã hội nổi bật là tính gắn kết nội bộ cao. Sự phụ thuộc lẫn nhau trong sinh hoạt, sản xuất và ứng phó thiên tai đã hình thành tinh thần tương trợ cộng đồng vững mạnh, một yếu tố quan trọng trong việc tổ chức và vận hành các mô hình du lịch cộng đồng, vốn đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các hộ gia đình. Ngoài ra, người dân Cồn Hô thể hiện thái độ tích cực đối với các chương trình phát triển, sẵn sàng tham gia tập huấn, tiếp nhận tri thức mới và cải thiện điều kiện sống.

Tóm lại, các yếu tố về điều kiện sinh thái, kinh tế, xã hội và văn hóa bản địa cho thấy Cồn Hô không chỉ sở hữu tiềm năng phát triển du lịch sinh thái mà còn có khả năng trở thành mô hình mẫu cho du lịch cộng đồng bền vững, nếu nhận được sự hỗ trợ chính sách thích hợp và phát huy được vai trò chủ thể của cộng đồng địa phương.

Chính sách phát triển và thực tiễn triển khai du lịch tại Cồn Hô

Trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Trà Vinh, Cồn Hô được xác định là một trong những điểm nhấn của mô hình du lịch cộng đồng và sinh thái, nhờ vào lợi thế về cảnh quan sông nước và hệ sinh thái vườn đặc trưng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Theo Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, Cồn Hô được quy hoạch trở thành điểm đến du lịch sinh thái tiêu biểu giai đoạn 2018-2020, tầm nhìn đến 2030.³² Mục tiêu chính bao gồm phát triển mô hình du lịch cộng đồng, nâng cao năng lực quản lý ở cấp địa phương và đa dạng hóa sản phẩm nhằm thu hút du khách nội địa và quốc tế.

Đặc biệt, sau đại dịch COVID-19, tỉnh đã ban hành Quyết định số 1921/QĐ-UBND³³ thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP³⁴ về phục hồi kinh tế, trong đó xác định du lịch là ngành có tiềm năng phục hồi nhanh chóng. Chính sách này tập trung vào 09 nhóm giải pháp chiến lược: (1) Đổi mới nhận thức và tư duy về du lịch; (2) Cơ chế và chính sách phát triển du lịch; (3) Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch; (4) Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch; (5) Phát triển nguồn nhân lực du lịch; (6) Đa dạng hóa thị trường khách du lịch; (7) Phát triển sản phẩm du lịch; (8) Xúc tiến, quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch; (9) Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch. Đặc biệt, Cồn Hô được quy hoạch như một sản phẩm du lịch trọng điểm với loại hình “Du lịch sinh thái sông nước miệt vườn gắn với vườn cây ăn trái”. Đồng thời, Cồn

Hồ cũng nằm trong chiến lược phát triển ba không gian du lịch liên vùng: không gian du lịch đô thị xanh tại thành phố Trà Vinh và vùng lân cận, không gian du lịch sinh thái biển, và không gian du lịch sinh thái miệt vườn gắn với văn hóa dân tộc.

Ngoài ra, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh đã cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ tài chính cho các hộ dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng tại các điểm đến trọng điểm như Cồn Hồ.³⁵ Nội dung của nghị quyết được áp dụng cho các đối tượng như doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đầu tư phát triển du lịch tại tỉnh Trà Vinh, sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ đặc thù ngoài các chính sách đầu tư phát triển kinh tế hiện hành. Cụ thể, hỗ trợ xây dựng homestay và farmstay cho khách du lịch với mức hỗ trợ lên đến 30 triệu đồng/phòng (tối thiểu 2 phòng, tối đa 5 phòng). Đồng thời, các hộ gia đình cũng được hỗ trợ chỉnh trang nhà cửa, mua sắm trang thiết bị để tham gia chuỗi du lịch cộng đồng với mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng. Các tổ chức và cá nhân tham gia khôi phục nghề truyền thống phục vụ du lịch cộng đồng sẽ được hỗ trợ 30 triệu đồng/điểm, và các câu lạc bộ, đội văn nghệ dân gian phục vụ tại các điểm du lịch được hỗ trợ 20 triệu đồng/đội. Các dự án đầu tư cơ sở vật chất như nhà vệ sinh công cộng, hệ thống thu gom rác thải và bãi đậu xe cũng nhận hỗ trợ với mức tối đa từ 10 triệu đến 70 triệu đồng tùy vào loại hình. Bên cạnh đó, các nhà hàng ẩm thực đặc trưng kết hợp bán đặc sản và hàng OCOP tỉnh Trà Vinh cũng nhận hỗ trợ lên đến 200 triệu đồng. Để khuyến khích phát triển phương tiện vận chuyển du lịch, các tổ chức và cá nhân sẽ được hỗ trợ 30% giá trị phương tiện thủy nội địa và 50% giá trị phương tiện giao thông thô sơ, tối đa 150 triệu đồng/dự án. Ngoài ra, việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch cũng được hỗ trợ với mức hỗ trợ lên đến 5 triệu đồng/người và tối đa 50 triệu đồng/khóa đào tạo. Cuối cùng, các dự án du lịch sẽ được hỗ trợ 50% lãi suất vay ngân hàng trong vòng 03 năm, tối đa 150 triệu đồng/dự án. Những chính sách này nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại Trà Vinh.

Tại Cồn Hồ, theo kết quả nghiên cứu, hộ gia đình Vũ Minh đã hoàn tất mọi thủ tục cần thiết và nhận được khoản hỗ trợ, trong khi một số hộ gia đình khác vẫn đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để đủ điều kiện nhận hỗ trợ.

“Khu này tới thời điểm bây giờ nếu mà không tính tiền công thì tầm khoảng 250 triệu, tại vì cái công mình xuất ra nhiều mình không kể, vì anh cũng mượn anh em bạn bè trợ giúp mình nữa. Mới có 50 triệu đó. Còn hỗ trợ thêm nữa không thì anh chưa biết.” (BB05_nam_Cồn Hồ_05052024)

Trên thực tế, chính sách đã được cụ thể hóa qua chuỗi hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo cộng đồng và cải thiện cơ sở vật chất tại Cồn Hồ. Từ năm 2020, các lớp tập huấn ngắn hạn do chính quyền địa phương phối hợp với các viện nghiên cứu, doanh nghiệp lữ hành và tổ chức quốc tế đã được tổ chức thường xuyên. Nội dung đào tạo tập trung vào kỹ năng giao tiếp, phục vụ khách, tổ chức trải nghiệm và kiến thức bảo vệ môi trường. Những hoạt động này giúp cộng đồng hiểu rõ hơn về tiềm năng du lịch địa phương và cách phát huy tài nguyên sẵn có như vườn cây ăn trái, thủy sản tự nhiên, văn hóa ẩm thực và đời sống nông thôn truyền thống.

“Ngày trước ở đây toàn nông dân với nhau nên không biết du lịch là gì, nhờ có ba đơn vị là mấy thầy trong viện nghiên cứu hỗ trợ nhiệt tình, với Sở Du lịch và chính quyền địa phương cũng quan tâm nên rất biết ơn.” (BB03_nam_Cồn Hồ_05052024)

Song song đó, chính sách còn hỗ trợ cộng đồng tham gia các chuyến học tập thực tế tại các mô hình du lịch thành công như Cồn Chim (Trà Vinh), Gáo Giồng (Đồng Tháp) hay các điểm du lịch cộng đồng tại Bến Tre. Những chuyến tham quan này không chỉ giúp mở rộng tầm nhìn mà còn kích thích sáng tạo trong thiết kế sản phẩm du lịch phù hợp với điều kiện địa phương.

“Đầu tiên là mở lớp tập huấn để dạy kỹ năng tiếp khách và đưa đoàn những người dân đăng ký du lịch đi tham quan các nơi khác để học hỏi.” (BB01_nam_Cồn Hồ_09012024)

Về hạ tầng kỹ thuật, các sáng kiến hỗ trợ từ nhà nước, tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp đã góp phần nâng cấp điều kiện sinh hoạt và giao thông tại Cồn Hồ. Tiêu biểu là dự án lắp đặt hệ thống điện mặt trời 450W cho mỗi hộ gia đình do sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với sinh viên quốc tế triển khai, giúp cải thiện điều kiện chiếu sáng trong bối cảnh chưa có điện lưới.

“Điện này mình nói luôn, cũng nhờ các bạn sinh viên... chẳng hạn như bốn nước, mấy bạn đó xuống cũng hỗ trợ vốn, mua vật tư rồi mấy bạn kéo xuống cũng đồng.” (BB06_nam_Cồn Hồ_04052024)

Dự án cải tạo đường xơ dừa dài hơn 1.200m do EXO Foundation tài trợ đã thay thế con đường đất cũ, giúp giao thông thuận lợi hơn, đặc biệt trong mùa mưa.

“Dự tính cái đường đằng sau sẽ làm lại... mục đích để không bị lún khi trời mưa chứ không làm bê tông.” (BB06_nam_Cồn Hồ_04052024)

Bên cạnh đó, cầu tàu du lịch dài 24m được xây dựng với sự tài trợ từ doanh nghiệp tư nhân và đóng góp của cộng đồng, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận

bằng đường thủy, đảm bảo an toàn và nâng cao trải nghiệm của du khách.

Ngoài hỗ trợ vật chất, chính sách kết nối cộng đồng với thị trường du lịch thông qua doanh nghiệp lữ hành đã tạo ra hệ sinh thái du lịch mở. Doanh nghiệp không chỉ hỗ trợ quảng bá mà còn tổ chức tour trải nghiệm như tham quan vườn cây ăn trái, thưởng thức ẩm thực địa phương, trò chơi dân gian, góp phần thương mại hóa giá trị bản địa một cách có kiểm soát. Như vậy, các chính sách nhà nước đã đóng vai trò định hướng chiến lược ở cấp vĩ mô, cụ thể hóa ở cấp vi mô thông qua các chương trình đào tạo, hỗ trợ hạ tầng, kết nối thị trường và khuyến khích phát triển sản phẩm. Đồng thời, sự tham gia của doanh nghiệp và tổ chức quốc tế tạo ra nền tảng vật chất, xã hội cần thiết để vận hành mô hình du lịch sinh thái tại Côn Hồ.

Tuy vậy, hiệu quả của các chính sách không chỉ phụ thuộc vào thiết kế và đầu tư ban đầu, mà còn gắn chặt với mức độ tham gia chủ động, năng lực tổ chức và kỳ vọng của cộng đồng, những chủ thể trực tiếp triển khai, điều chỉnh và chịu tác động của mô hình. Chính sự chuyển hóa từ chính sách vĩ mô sang thực tiễn vi mô, thông qua thực hành xã hội cụ thể, là yếu tố quyết định khả năng phát triển bền vững của mô hình du lịch sinh thái tại Côn Hồ.

Sự tham gia vào hoạt động du lịch và sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương

Sự tham gia vào hoạt động du lịch

Mô hình du lịch sinh thái tại Côn Hồ chính thức được triển khai từ ngày 26/10/2020, với định hướng phát triển dựa trên khai thác bền vững các nguồn lực tự nhiên và sinh kế nông nghiệp bản địa. Dựa vào hệ sinh thái sông nước đặc trưng và các vườn cây ăn trái như bưởi da xanh, gừng, sả cùng nguồn thủy sản nước ngọt phong phú, cộng đồng địa phương đã từng bước hình thành mô hình du lịch gắn với đời sống nông thôn truyền thống.

Mặc dù còn đối mặt với nhiều hạn chế về hạ tầng kỹ thuật như thiếu điện lưới, giao thông thủy bộ chưa hoàn thiện, dịch vụ y tế, giáo dục còn yếu, người dân vẫn chủ động cải tạo không gian sinh hoạt và khuôn viên vườn để phục vụ du lịch, đồng thời duy trì đặc trưng văn hóa của không gian sống bản địa. Về tổ chức, mô hình được vận hành theo hình thức tự quản, do cộng đồng điều phối với sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương. Cấu trúc tổ chức gồm tổ trưởng, tổ phó, thủ quỹ và Ban Quản lý, trong đó Ban Quản lý giữ vai trò điều phối và giám sát. Các hộ dân được phân công công việc cụ thể, từ đón tiếp, hướng dẫn, nấu ăn, đến tổ chức trải nghiệm, với sự điều chỉnh linh hoạt theo phản hồi của du khách.

Bên cạnh đó, cộng đồng chủ động đề xuất và thực hiện nhiều sáng kiến bảo vệ môi trường, tiêu biểu như việc chế tạo thùng rác sinh thái từ vật liệu tái chế và lá cây bản địa, sáng kiến kết hợp giữa tri thức dân gian và sáng tạo hiện đại, góp phần nâng cao nhận thức bảo tồn và cải thiện cảnh quan du lịch.

“Có nhiều khách du lịch họ không biết đó là thùng rác bởi vì nhìn nó rất thân thiện với môi trường... hồi xưa mình làm hình dáng như thế này để đựng muối... giờ mình làm lại để đựng kín rác, không thấy bên trong.” (BB06_nam_Côn Hồ_04052024).

Dựa trên tiềm lực bản địa, cộng đồng đã phát triển hệ thống sản phẩm du lịch đặc trưng như ẩm thực truyền thống (chè bưởi, mít gừng, cá nướng trui), trải nghiệm sinh thái (chèo xuồng, tắm sông, thăm rừng ngập mặn), chăm sóc sức khỏe (ngâm chân thảo dược). Đặc biệt, sản phẩm “tour đèn dầu”, trải nghiệm đêm gắn với ánh sáng tự nhiên, ẩm thực dân gian và giao lưu cộng đồng, là một sáng kiến nổi bật, thể hiện khả năng sáng tạo và thích nghi trong điều kiện thiếu điện lưới, đồng thời gia tăng giá trị trải nghiệm du lịch có chiều sâu văn hóa (xem Hình 1).

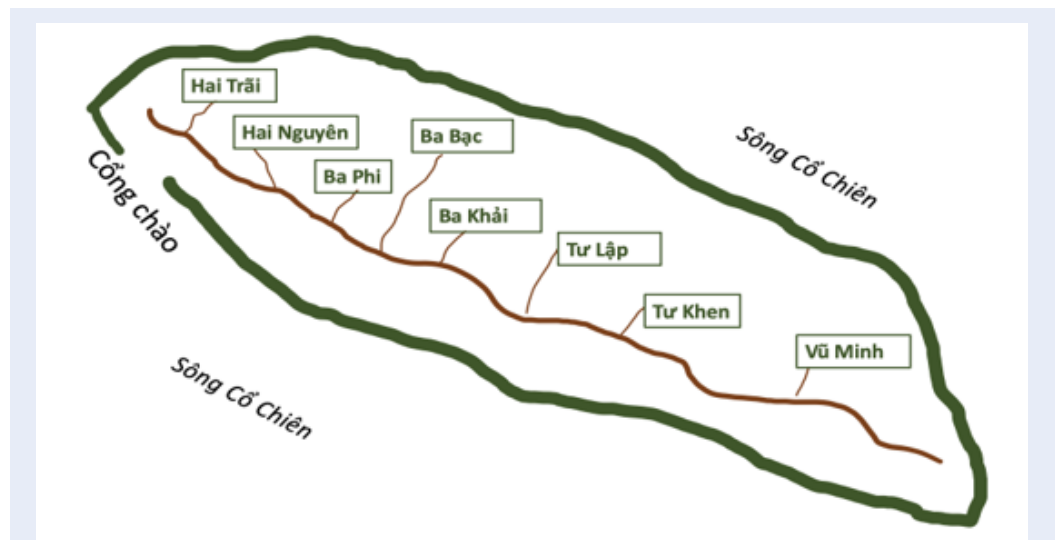
Khoảng 10/23 hộ dân tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch. Theo kết quả phỏng vấn, những hộ không tham gia chủ yếu là các hộ không định cư thường xuyên tại cồn (chủ yếu là các hộ sở hữu vườn nông sản tại cồn) hoặc các hộ neo đơn, đã lớn tuổi. Tuy nhiên, nếu có điều kiện, cộng đồng sẵn sàng tham gia vào hoạt động du lịch.

“Có ai mua tui cũng tính bán, cho thuê chỗ này làm du lịch đẹp dữ lắm á, hồi xưa ông còn sống cho cất nhà lớn lắm nha, cho khách đến chơi mà không có lấy đồng bạc hết trơn, hồi đó 3-4 năm rồi, chưa có du lịch, nhà tre đẹp lắm, chưa có ai buôn bán gì hết trơn. [...] Không có khả năng làm, trẻ trẻ thì làm được, không có làm nổi, còn trẻ tui làm, cũng ngon lắm á chứ, dọn dẹp là làm được hết trơn...” (BB12_nữ_Côn Hồ_09012023)

Sự kỳ vọng của cộng đồng địa phương

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn, bài viết phân tích các kỳ vọng của cộng đồng địa phương trong tiến trình phát triển du lịch sinh thái tại Côn Hồ thông qua 04 khía cạnh chính: vị thế, kinh tế, xã hội, và môi trường.

Về mặt vị thế, với diện tích hạn chế và dân số tương đối ít, cộng đồng cư dân Côn Hồ chưa đủ điều kiện để thành lập đơn vị hành chính cấp ấp, vị thế của cộng đồng trong cấu trúc xã hội vẫn còn hạn chế. Tuy nhiên, cộng đồng Côn Hồ kỳ vọng rằng thông qua phát triển du lịch sinh thái, hình ảnh và vị trí của họ trong xã hội sẽ được nâng cao. Mong muốn chủ yếu của người dân không chỉ dừng lại ở lợi ích vật chất,



Hình 1: Sơ đồ điểm du lịch tại Côn Hồ (Nguồn: Tác giả vẽ lại dựa trên sơ đồ điểm đến tại Côn Hồ do Trung tâm Xúc tiến tỉnh Trà Vinh thực hiện, 2024)

mà còn là sự công nhận từ bên ngoài đối với sự hiện diện, văn hóa và giá trị bản địa, qua đó củng cố niềm tự hào và danh tính cộng đồng.

“Chủ yếu bà con muốn làm du lịch là để nhà nước quan tâm tới cái cồn mình... Cồn mình có dê bao thì mới được, chứ mỗi năm nó cứ bị lở một chút... cái trụ điện trước nằm trong đất, giờ nó nằm xa cồn rồi.” (BB06_nam_Côn Hồ_04052024)

Về mặt kinh tế, người dân địa phương chủ yếu phụ thuộc vào nguồn thu từ nông sản, đặc biệt là bưởi, cùng với việc khai thác các nguồn lợi từ sông và các loại cây ăn trái khác trồng trên cồn. Nhờ đặc tính ra hoa liên tục, người dân có thể tiến hành thu hoạch bưởi đều đặn hằng tháng. Nhìn chung, kinh tế của cộng đồng tại đây chủ yếu đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hằng ngày nhờ vào giá bưởi ổn định mà thương lái thu mua. Chính vì vậy, người dân địa phương không đặt nhiều kỳ vọng vào hiệu quả kinh tế từ du lịch. Họ cho rằng khu vực của mình thiếu tiềm năng, cơ sở hạ tầng còn hạn chế và điều kiện tự nhiên chưa đủ nổi bật để thu hút du khách, đồng thời vẫn còn hoài nghi về khả năng cạnh tranh với các khu vực khác.

“Ban đầu, tui nghĩ là không thể làm du lịch đâu, ở đây có cái gì đâu mà làm du lịch...” (BB08_nam_Côn Hồ_09012023)

Về mặt xã hội, cộng đồng Côn Hồ vốn được hình thành từ những cư dân di cư từ đất liền, gắn bó với nhau qua quá trình sinh sống, khai thác tài nguyên tự nhiên và hỗ trợ lẫn nhau trong đời sống. Mô hình du lịch cộng đồng được kỳ vọng sẽ tiếp tục củng cố

tinh thần đoàn kết sẵn có, đồng thời thúc đẩy các hoạt động tập thể và tăng cường sự tham gia chủ động của các thành viên vào quá trình phát triển địa phương.

“... ừ, chị đi đám giỗ mấy ngày cũng không có khóa cửa, có mấy chị ở đây mà, có con chó thì bên nhà chị Hai qua cho ăn giúp,...rồi bình thường, đưa đồ qua rước mấy đứa trong cồn đi học về, chị em ở đây là toàn là dâu (lấy chồng là người trên cồn) nên thương nhau lắm...” (BB13_nữ_Côn Hồ_04052024)

Về mặt môi trường, tình trạng sạt lở đất tại Côn Hồ đã diễn ra trong khoảng 10 năm gần đây, bắt đầu xuất hiện vào khoảng năm 2005. Một ví dụ điển hình là việc sử dụng các cột điện làm mốc để quan sát sự sạt lở theo thời gian. Theo ước tính của người dân, hơn 10 công đất ở đầu cồn đã bị cuốn trôi, với chiều dài khoảng 200-300m đất bị sạt lở. Cộng đồng địa phương mong muốn khi có sự phát triển của du lịch, chính quyền triển khai các biện pháp bảo vệ hiệu quả, chẳng hạn xây dựng dê bao quanh Côn Hồ, nhằm ngăn chặn nguy cơ sạt lở và bảo vệ không gian sống tự nhiên của khu vực.

“Bà con ở đây cũng muốn được làm cái bờ kè, nhà chị lúc trước gần cái trụ điện ở kia kia, nó sạt tới mấy công đất luôn đó, giờ thì chị dời nhà xuống khúc này cho an tâm.” (BB7_nữ_Côn Hồ_09012023)

Qua quá trình nghiên cứu và phân tích thực tiễn từ các hoạt động du lịch tại Côn Hồ, có thể khẳng định một số kỳ vọng của cộng đồng đã được hiện thực hóa ở mức độ đáng kể. Về mặt vị thế, các hoạt động du lịch đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao sự hiện diện của cộng đồng Côn Hồ. Cụ thể, khi tìm kiếm từ khóa

“Cồn Hồ” trên Google, hệ thống trả về tới 16.500.000 kết quả trong 0,54 giây, minh chứng cho mức độ nhận diện ngày càng mạnh mẽ của Cồn Hồ trên các nền tảng truyền thông, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, so với thời điểm trước khi du lịch được phát triển. Đồng thời, theo tác giả đã tìm kiếm và thống kê được khi làm nghiên cứu, có khoảng 40 chương trình từ các công ty trong và ngoài tỉnh đã bán chương trình tour có liên kết trải nghiệm Cồn Hồ.

Về kinh tế, vượt ra khỏi kỳ vọng ban đầu, mô hình du lịch đã được hình thành, đem lại nguồn khách thường xuyên cho cộng đồng. Cộng đồng đã có thêm nguồn thu nhập tăng thêm từ hoạt động du lịch, trung bình hoạt động du lịch chiếm khoảng 10-20% so với tổng số thu nhập hiện tại của cộng đồng. Thậm chí, một gia đình tại Cồn Hồ đã chuyển du lịch thành nguồn thu nhập chính bởi gặp khó khăn trong nông nghiệp vì diện tích đất nhỏ và sạt lở đất, vị trí của hộ ở gần đầu cồn nên dễ bị tràn đê và xâm nhập mặn ảnh hưởng đến năng suất cây thảo dược. Vì vậy, du lịch trở thành nguồn thu nhập của hộ với hai loại hình dịch vụ là ngâm chân thảo dược và lái đò.

“Bây giờ mình có du lịch là cũng ổn định cuộc sống. Chứ là mình không có, nó vất vả giống như là khi chưa có du lịch. Trước khi mình có du lịch thì là mình có vườn bưởi là lớn... còn bây giờ khi mà nó chết hết rồi thì cái thu nhập mình nó không có. Còn bây giờ có du lịch mà có khách lại... năm nay là khách nhiều hơn mấy năm trước cho nên nó cũng đỡ.” (BB04_nữ_Cồn Hồ_05052024)

Về mặt xã hội, so với giai đoạn trước khi triển khai du lịch, sự thay đổi đáng kể nhất là mức độ tham gia và vai trò xã hội của các nhóm trong cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ. Nếu trước đây, phụ nữ chủ yếu đảm nhận các công việc nội trợ và hỗ trợ gia đình, thì nay họ đã chủ động hơn trong các hoạt động như thiết kế tour, chế biến và trình bày ẩm thực, hướng dẫn trải nghiệm, tiếp khách. Trong tổng số hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch cộng đồng, phụ nữ chiếm tới 90% vai trò chủ lực, tức là trong mỗi hộ, người đảm nhận chính các công việc liên quan đến du lịch đều là nữ giới. Vai trò này không chỉ nâng cao vị thế xã hội của phụ nữ trong cộng đồng, mà còn làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch, đóng góp quan trọng vào sự thành công của mô hình du lịch cộng đồng. Như vậy, so với kỳ vọng ban đầu, sự thay đổi xã hội tại Cồn Hồ không chỉ dừng lại ở việc giữ gìn tính gắn kết cộng đồng, mà còn thể hiện sự mở rộng và tái cấu trúc vai trò xã hội, đặc biệt là vai trò giới, theo hướng tích cực và bền vững hơn.

Về môi trường, cảnh quan Cồn Hồ đã có sự thay đổi tích cực. Khu vực này trở nên sạch sẽ hơn, không gian xanh được mở rộng và môi trường sống của cộng

đồng được cải thiện. Mặc dù các biện pháp bảo vệ môi trường vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng kỳ vọng, đặc biệt là trong việc ngăn chặn các hiện tượng như sạt lở bờ sông và xâm nhập mặn. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Đức Mỹ,³⁶ trong tháng 4/2025, triều cường vượt báo động III đã khiến 08 đoạn đê bao vỡ, gây ngập từ 1-1,5m trên toàn bộ diện tích 25ha. Thiệt hại nặng nề về cây trồng, thủy sản, nhà ở và công trình phụ trợ đã buộc một số hộ dân phải tạm di dời.

Như vậy, kỳ vọng lớn nhất của người dân không chỉ dừng lại ở việc cải thiện thu nhập, mà còn hướng đến một không gian sống an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Những hiện tượng như triều cường, xâm nhập mặn, và sạt lở bờ sông ngày càng đe dọa đến sinh kế và an toàn cư dân. Hiện nay, phần lớn hạng mục hạ tầng thiết yếu, từ điện năng lượng mặt trời, cầu tàu, đường giao thông, đều do tổ chức quốc tế, sinh viên các trường đại học hoặc doanh nghiệp tài trợ. Điều này cho thấy đứt gãy trong quá trình chuyển tải diễn ngôn chính sách trong việc tích hợp yếu tố phòng vệ sinh thái vào các chương trình phát triển du lịch cộng đồng, vốn là điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính ổn định và bền vững dài hạn.

THẢO LUẬN

Thực tiễn triển khai mô hình du lịch sinh thái tại Cồn Hồ cho thấy mối quan hệ giữa chính sách nhà nước và kỳ vọng của cộng đồng địa phương chỉ đạt mức tương đối, do tồn tại sự đứt gãy trong quá trình chuyển tải từ diễn ngôn chính sách đến thực tiễn phát triển du lịch. Thông điệp mà chính sách muốn chuyển tải là xây dựng một mô hình du lịch sinh thái nổi bật tại cộng đồng Cồn Hồ, tận dụng nguồn tài nguyên phong phú và đặc trưng của vùng đồng bằng sông nước, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo thêm sinh kế bền vững. Tuy nhiên, sự kỳ vọng của cộng đồng đối với du lịch lại vượt xa so với mục tiêu của chính sách, đặc biệt là trong các vấn đề khắc phục hậu quả của biến đổi khí hậu và sạt lở đất, hiện vẫn đang ở cấp độ vi mô và phụ thuộc vào nguồn vốn trung hạn từ nhà nước. Mặc dù Luật Du lịch¹ và Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030² nhấn mạnh đến nguyên tắc “phát triển bền vững, có trách nhiệm, lấy cộng đồng làm trung tâm”, nhưng việc hiện thực hóa các nguyên tắc này, đặc biệt là trong việc lồng ghép các giải pháp phòng vệ môi trường, vẫn còn thách thức thực tiễn ở cấp địa phương.

Đối với các cộng đồng cư trú tại những vùng sinh thái nhạy cảm như cồn, cù lao ven sông (trường hợp điển hình là Cồn Hồ), an toàn sinh thái không chỉ là một điều kiện kèm theo mà là điều kiện tiên quyết để duy trì sinh kế và đảm bảo tính bền vững của hoạt động du lịch. Sự phát triển của mô hình du lịch tại đây vì

thể không thể tách rời khỏi các biện pháp bảo vệ hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thành công bước đầu của mô hình du lịch cộng đồng tại Côn Hồ là minh chứng rõ ràng cho mối quan hệ tương hỗ giữa khung chính sách nhà nước và năng lực hành động của cộng đồng. Các chương trình hỗ trợ tài chính, đào tạo kỹ năng, đầu tư hạ tầng nhỏ và kết nối thị trường đã tạo nên nền tảng pháp lý và vật chất thuận lợi. Trong đó, những chính sách thực sự phát huy hiệu quả khi được “nội địa hóa”, tức là được cộng đồng tiếp nhận, tái diễn giải và điều chỉnh phù hợp với ngữ cảnh xã hội, sinh thái, văn hóa đặc thù.³⁷ Điều này phù hợp với các nghiên cứu trước đó tại Việt Nam và các nước đang phát triển, vốn chỉ ra rằng chính sách nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường thể chế và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững.³⁸ Tại Côn Hồ, quá trình triển khai chính sách không diễn ra theo mô hình tuyến tính “từ trên xuống”, mà là quá trình đồng sáng tạo (co-creation) giữa chính quyền và cộng đồng. Các công cụ chính sách như tài chính, tập huấn, hay hỗ trợ thiết bị đã được bản địa hóa thành các sản phẩm sáng tạo mang đậm bản sắc như “tour đèn dầu”, vườn dược liệu, hay trải nghiệm ngâm chân thảo mộc.

Khía cạnh đáng chú ý là sự vận dụng chính sách không dừng lại ở mức “thực hiện theo chỉ đạo” mà trở thành quá trình “phiên dịch chính sách”, nơi cộng đồng chủ động chuyển hóa ngôn ngữ hành chính thành các thực hành cụ thể phù hợp với bối cảnh địa phương. Đây là biểu hiện của năng lực thích ứng và sáng tạo ở cấp cơ sở, đồng thời gợi mở cho cách tiếp cận chính sách công linh hoạt và có tính bao trùm cao hơn.

Khi hoạt động du lịch trở thành một phần của sinh kế, người dân có thêm lý do để duy trì sự trong lành của cảnh quan, bảo vệ cây xanh, nguồn nước, và không gian công cộng. Những hành vi như hạn chế sử dụng hóa chất nông nghiệp, xử lý rác thải hữu cơ, trồng cây chắn gió hay giữ gìn lối đi, v.v. không còn là mệnh lệnh từ bên ngoài mà trở thành chiến lược nội tại gắn với lợi ích kinh tế trực tiếp.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long đang phải đối mặt với các nguy cơ nghiêm trọng từ biến đổi khí hậu, như xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, hạn hán, nhu cầu về các giải pháp phòng ngừa và thích ứng cần được đặt ở vị trí trung tâm trong chính sách phát triển du lịch. Hiện tại, các can thiệp có tính phòng vệ sinh thái như xây dựng đê bao kiên cố, trồng rừng chắn sóng hay gia cố bờ đất chưa được lồng ghép đầy đủ vào các kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng tại cấp địa phương.

Thực tiễn tại Côn Hồ cho thấy, phần lớn công trình thiết yếu phục vụ du lịch và sinh hoạt, từ điện mặt trời, cầu tàu, đến đường giao thông, đều do tổ chức quốc tế,

các nhóm sinh viên, hoặc doanh nghiệp tài trợ, thay vì được thực hiện theo các chương trình chính sách chính thức. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc thiết kế các chính sách tích hợp liên ngành, nơi du lịch, hạ tầng sinh thái và ứng phó biến đổi khí hậu cần được hoạch định như một chỉnh thể thống nhất. Cuối cùng, bên cạnh những kết quả tích cực, mô hình du lịch tại Côn Hồ cũng đối mặt với nhiều thách thức cần được thảo luận một cách nghiêm túc. Những thách thức này bao gồm: (1) sự suy giảm nền sinh thái do xói mòn và triều cường, (2) thiếu hụt dịch vụ công cơ bản (y tế, giáo dục, giao thông), (3) hạn chế về cơ sở hạ tầng du lịch, và (4) thách thức thực tiễn trong giải quyết vấn đề mang tính vĩ mô về biến đổi khí hậu. Việc không giải quyết những vấn đề này một cách toàn diện sẽ dẫn đến nguy cơ tính bền vững của mô hình.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về mô hình du lịch sinh thái tại Côn Hồ đã đóng góp giá trị lý thuyết, phương pháp và thực tiễn thông qua việc vận dụng lý thuyết diễn ngôn hậu cấu trúc của Foucault⁵ để tiếp cận chính sách du lịch như một quá trình tương tác phức hợp, trong đó quyền lực và tri thức địa phương được kiến tạo và tái định hình không ngừng. Phương pháp định tính kết hợp giữa điền dã thực địa và phỏng vấn sâu đã cho phép nhận diện rõ vai trò của cộng đồng trong việc tham gia, điều chỉnh và tái cấu trúc các chính sách du lịch tại địa phương. Mặc dù chính sách du lịch sinh thái tại Côn Hồ được xây dựng dựa trên định hướng chiến lược quốc gia và triển khai thông qua các chương trình đào tạo, hỗ trợ tài chính và đầu tư hạ tầng, hiệu quả thực thi vẫn còn hạn chế do thiếu các cơ chế cụ thể về bảo tồn sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, cộng đồng địa phương không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể chủ động điều chỉnh chính sách, đồng thời phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, mặc dù kỳ vọng của cộng đồng nhìn chung phù hợp với định hướng chính sách, nhưng các yêu cầu thiết yếu liên quan đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vẫn đặt ra nhiều thách thức đối với tính bền vững lâu dài của mô hình du lịch sinh thái tại địa phương.

Bên cạnh đó, nghiên cứu còn làm sáng tỏ tầm quan trọng của một cách tiếp cận linh hoạt, đa chiều trong hoạch định và thực thi chính sách phát triển du lịch ở cấp cơ sở. Thực tiễn tại địa phương này cho thấy rằng chính sách không nên được tiếp cận như một hệ thống chỉ thị áp đặt từ trên xuống, mà cần được nhìn nhận như một quá trình tương tác chính sách, xã hội, trong đó cộng đồng địa phương giữ vai trò chủ thể

đồng kiến tạo, tham gia thương thảo và điều chỉnh nội dung chính sách dựa trên điều kiện sinh thái, văn hóa và sinh kế đặc thù.

Thành công bước đầu của mô hình “du lịch tự thân” tại Cồn Hồ là minh chứng cho khả năng chuyển hóa chính sách thành thực tiễn thông qua năng lực nội sinh của cộng đồng. Việc vận dụng chính sách một cách sáng tạo, kết hợp với tri thức bản địa, sự chủ động tổ chức từ cấp hộ gia đình và quy mô cộng đồng đã tạo nên một mô hình có khả năng thích nghi linh hoạt, phù hợp với điều kiện địa phương và góp phần nâng cao sinh kế cho người dân. Mô hình này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế, xã hội thiết thực, mà còn thúc đẩy nhận thức về bảo vệ môi trường, giữ gìn văn hóa truyền thống và phát huy tinh thần cộng đồng. Điều này nhấn mạnh một lần nữa sự quan trọng trong việc đưa cộng đồng vào vị trí trung tâm ở bước chuyển giao, có thể khẳng định “cộng đồng làm chủ mô hình” không chỉ là chuyển giao kỹ thuật hay nguồn lực, mà còn là quá trình nâng cao năng lực tự quản, xây dựng thể chế cộng đồng, và củng cố quyền tiếp cận các nguồn lợi từ du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, các thách thức hiện hữu như thiếu hụt hạ tầng kỹ thuật, rủi ro ngày càng lớn từ biến đổi khí hậu và giới hạn trong năng lực quản trị địa phương vẫn là những rào cản quan trọng cần được giải quyết. Trong bối cảnh đó, việc thiết lập một cơ chế chính sách có khả năng thích ứng cao, có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước, chuyên gia và cộng đồng trở nên cấp thiết. Chính sách cần vượt qua vai trò điều tiết hành chính để trở thành công cụ hỗ trợ cộng đồng kiến tạo tương lai của chính họ.

Từ nghiên cứu trường hợp Cồn Hồ, có thể rút ra bài học rộng hơn cho phát triển du lịch sinh thái tại Đồng bằng sông Cửu Long: một mô hình phát triển bền vững chỉ có thể đạt được khi chính sách được thiết kế và triển khai với sự đồng hành, đối thoại và lắng nghe từ phía cộng đồng, những người hiểu rõ nhất thực tiễn sống động, thách thức và tiềm năng của chính họ.

Một số hạn chế của bài viết đó là chỉ tập trung vào mô hình du lịch sinh thái tại Cồn Hồ, do đó chưa thể phân tích đầy đủ các vấn đề chung và đặc thù của các khu vực nông thôn khác trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững. Bên cạnh đó, tác động từ các bên liên quan như chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế chưa được phân tích một cách toàn diện. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi so sánh giữa Cồn Hồ và các khu vực khác để rút ra các bài học kinh nghiệm, đồng thời đi sâu vào việc tích hợp các biện pháp bảo vệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu trong các chính sách du lịch sinh thái.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

OCOP: One Commune One Product, nghĩa là Mỗi xã một sản phẩm

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trong khuôn khổ đề tài mã số T2024-11.

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết này hoàn toàn do tác giả thực hiện độc lập, bao gồm các nội dung sau:

1. Lên ý tưởng và khung nghiên cứu: Tác giả tự xác định vấn đề, mục tiêu, phương pháp và đối tượng nghiên cứu.
2. Khảo sát điền dã: Tác giả trực tiếp thực hiện khảo sát thực địa tại địa phương trong thời gian dài.
3. Phân tích dữ liệu: Dữ liệu được tác giả tự xử lý và phân tích, từ đó rút ra kết luận nghiên cứu.
4. Viết bài: Tất cả nội dung từ Giới thiệu đến Kết luận đều do tác giả tự viết, không có sự hỗ trợ từ người khác.
5. Kế thừa dữ liệu luận án: Một phần dữ liệu sử dụng là kết quả khảo sát từ luận án chưa công bố của chính tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội. Luật du lịch số 09/2017/QH14. Hà Nội: Quốc hội; 2017.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết số 08-NQ/TW về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Hà Nội: Đảng Cộng sản Việt Nam; 2017.
3. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 147/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. Hà Nội: Thủ tướng Chính phủ; 2020.
4. The International Ecotourism Society. TIES announces ecotourism principles revision; 2015. Available from: <https://ecotourism.org/news/ties-announces-ecotourism-principles-revision/ecotourism.org>.
5. Foucault M. The Archaeology of Knowledge. Pantheon Books; 1972.
6. Cohen E. Contemporary Tourism: Diversity and Change. Routledge; 2004.
7. Mowforth M, Munt I. Tourism and Sustainability: Development and New Tourism in the Third World. Routledge; 2003. Available from: <https://doi.org/10.4324/9780203422779>.
8. Tourism, Ethnicity, and the State in Asian and Pacific Societies. University of Hawaii Press; 1996.
9. Newsome D, Moore SA, Dowling RK. Natural Area Tourism: Ecology, Impacts and Management. Channelview Publications; 2002.
10. Buckley R. Neat Trends: Current Issues in Nature. Eco- and Adventure Tourism; 2000.
11. Page SJ, Dowling RK. Themes in Ecotourism/Tourism. Pearson Education Limited; 2002.
12. Scheyvens R. Eco-tourism and Empowerment of the Local People. Tourism Management. 1999;20(2):245–9. Available from: [https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(98\)00069-7](https://doi.org/10.1016/S0261-5177(98)00069-7).

13. Donohoe H. Breaking the Barriers: Making Ecotourism Culturally Sensitive in a Global Community. *European Journal of Tourism Research*. 2009;2(1):31–54. Available from: <https://doi.org/10.54055/EJTR.V2I1.31>.
14. The Encyclopedia of Ecotourism. CABI Publishing; 2001. Available from: <https://doi.org/10.1079/9780851993683.0000>.
15. Hunter C, Hunter C, Green H, editors. *Key Concepts for Tourism and the Environment*. Routledge; 1995.
16. Buijtenlijk H, Blom J, Vermeer J, van der Duim R. Eco-Innovation for Sustainable Tourism Transitions as a Process of Collaborative Co-Production: The Case of a Carbon Management Calculator for the Dutch Travel Industry. *Journal of Sustainable Tourism*. 2018;26(7):1222–40. Available from: <https://doi.org/10.1080/09669582.2018.1433184>.
17. Kobarg S, Stumpf-Wollersheim J, Schlägel C, Welpel IM. Green Together? The Effects of Companies' Innovation Collaboration with Different Partner Types on Ecological Process and Product Innovation. *Industry and Innovation*. 2020;27(9):953–90. Available from: <https://doi.org/10.1080/13662716.2020.1713733>.
18. Jermittiparsert K. Examining the Sustainable Energy and Carbon Emission on the Economy: panel Evidence from ASEAN. *Int J Econ Finance Stud*. 2021;13(1):405–26.
19. Dehoorne O, Augier D. Toward a New Tourism Policy in the French West Indies: The End of Mass Tourism Resorts and a New Policy for Sustainable Tourism and Ecotourism. *Études Caribéennes*. 2011;19. Available from: <https://doi.org/10.4000/etudescaribeennes.5262>.
20. Zhao X. Research on the Integration and Development of Ecotourism Industry and Sports Health Industry under the Background of Rural Revitalization Strategy. *Journal of Healthcare Engineering*. 2022;2022. Available from: <https://doi.org/10.1155/2022/3343297>.
21. Wondirad A. Does Ecotourism Contribute to Sustainable Destination Development, or Is It Just a Marketing Hoax? Analyzing Twenty-Five Years Contested Journey of Ecotourism through a Meta-Analysis of Tourism Journal Publications. *Asia Pacific Journal of Tourism Research*. 2019;24(11):1047–65. Available from: <https://doi.org/10.1080/10941665.2019.1665557>.
22. Pham TB. Governing Ecotourism in the Context of Ho Chi Minh City, Vietnam. *Integr J Res Arts Hum*. 2025;5(1):100–6. Available from: <https://doi.org/10.55544/ijrah.5.1.14>.
23. A N, TẢ P, TDT N. Chiến Lược Phát Triển Du Lịch Sinh Thái ở Khu Bảo Tồn Thiên Nhiên Săn Chim Vàm Hồ Tỉnh Bến Tre Đến Năm 2022. *Tạp chí Khoa Học Đại Học Văn Hiến*. 2018;6(2):86–95.
24. Nguyen TH, Tran TK. State Management of Tourism: Some Basic Theoretical Issues. *Online Ind Trade Mag*. 2020; Available from: <https://tapchicongthuong.vn/quan-ly-nha-nuoc-ve-du-lich-mot-so-van-de-ly-luan-co-ban>.
25. Coria J, Calfucura E. Ecotourism and the Development of Indigenous Communities: The Good, the Bad, and the Ugly. *Ecological Economics*. 2012;73:47–55. Available from: <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2011.10>.
26. Joshi S, Panzer-Krause S, Bucur A, Atomulese A, Zerbe S, Sauerwein M. Exploring Ecotourism in Rural Romania: Visitor Perceptions in a Traditional Multifunctional Cultural Landscape. *Environment Systems & Decisions*. 2025;45(2):21. Available from: <https://doi.org/10.1007/s10669-025-10007-4>.
27. Valaoras G, Pistolas K, Sotiropoulou HY. Ecotourism Revives Rural Communities. *Mountain Research and Development*. 2002;22(2):123–7. Available from: [https://doi.org/10.1659/0276-4741\(2002\)022\[0123:errc\]2.0.co](https://doi.org/10.1659/0276-4741(2002)022[0123:errc]2.0.co).
28. Ramos-García J, Ibarra-Michel JP, Velarde-Valdez M. Community-Based Ecotourism Management: The Case of a Cooperative in Mazatlán, Sinaloa, Mexico. *Czech J Tourism*. 2017;6(2):155–70. Available from: <https://doi.org/10.1515/cjot-2017-0008>.
29. Jaraíz-Arroyo G, Ruiz-Ballesteros E, García MCG. Eco-Esteem and Depopulation: Broadening the Perspective on the Demographic Challenge in the Rural World. *Rural Sociology*. 2024;90(1):46–63. Available from: <https://doi.org/10.1111/ruso.12575>.
30. Otner S. *Anthropology and Social Theory: Culture, Power and the Acting Subject*. Durham (NC): Duke University Press; 2006.
31. Veal AJ. *Research Methods for Leisure and Tourism: A Practical Guide*. 4th ed. England: Financial Times Prentice Hall; 2011.
32. Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Quyết định số 918/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030. Trà Vinh: Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh; 2018.
33. Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Quyết định số 1921/QĐ-UBND ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trà Vinh: Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh; 2022.
34. Chính phủ. Nghị quyết số 11/NQ-CP về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Hà Nội: Chính phủ; 2022.
35. Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND quy định về một số chính sách hỗ trợ phát triển trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025. Trà Vinh: Hội đồng Nhân dân tỉnh Trà Vinh; 2022.
36. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Báo cáo tuần số 184/BC-SNNMT: Từ ngày 26/3 đến ngày 01/4/2025. Trà Vinh: Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh; 2025.
37. Long N, der Ploeg JDV. Heterogeneity, Actor and Structure: Towards a Reconstitution of the Concept of Structure. *Beyond the Impasse*; 1994.
38. Salazar NB, Sharpley R, Telfer DJ, editors. *Community-Based Cultural Tourism: Issues and Policies*. Channel View Publications; 2012.

The Con Ho Ecotourism Site, Tra Vinh: An Analysis of Policies and Local Community Expectations

Do Thi Ngan Thanh *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Con Ho, a small islet located on the Co Chien River in Duc My commune, Cang Long district, Tra Vinh province, is a typical riverside settlement with a wetland ecosystem, agricultural community life, and indigenous culture. In recent years, Con Ho has emerged as a model for community ecotourism development in the Mekong Delta region. This paper focuses on analyzing the relationship between ecotourism development policies from the central to local levels and the expectations, adaptations, and agency of the local community. The study employs a qualitative methodology, combining the fieldwork with a focus on participant observation and in-depth interviews, to approach the tourism development policy as a negotiated process at the local level. Within this process, stakeholders collectively interpret, adjust, and reshape the policy in ways that align with practical realities. This approach views the policy not merely as a set of pre-determined administrative directives, but as a meaning-making process, understood as a post-structural discourse. The research findings show that the Con Ho community does not passively accept policies, but actively participates in adjusting and reshaping their content and implementation methods, based on cultural-social conditions and local livelihood needs. The study thus contributes to expanding the understanding of tourism development policy as a flexible, multi-dimensional process closely tied to community realities.

Key words: ecotourism, policy, community, expectations, Con Ho

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Do Thi Ngan Thanh, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: dtntanh@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 25-06-2025
- Revised: 25-11-2025
- Accepted: 25-12-2025
- Published Online: 13-05-2026

DOI : <https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i2.1210>



Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Do T N T. The Con Ho Ecotourism Site, Tra Vinh: A n Analysis of Policies and LocalCommunity Expectations. VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit. 2026; 10(2):3531-3543.